

Số: 24/2021/QĐST-HNGĐ

Trà Bông, ngày 22 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hạnh**, sinh năm 1985.

Địa chỉ nơi cư trú: Khu dân cư 20, tổ dân phố 6, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi.

Đơn vị công tác: Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Trà Bùi, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1985;

Địa chỉ nơi cư trú: Khu dân cư 20, tổ dân phố 6, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi;

Đơn vị công tác: Công an xã Trà Giang, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 27/11/2013 và cháu Nguyễn Minh Trí, sinh ngày 28/02/2018. Hiện nay 02 cháu đang ở với chị Hạnh nên anh Thái đồng ý giao 02 cháu cho chị Hạnh chăm sóc, giáo dục. Anh Thái có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trí mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi cháu Trí đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5 năm 2021. Chị Hạnh đồng ý nhận nuôi 02 con chung và thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con của anh Thái.

* *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

* *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Án phí về yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Hạnh tự nguyện nộp, được khấu trừ số tiền 300.000đ mà chị đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001676 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, chị Hạnh đã nộp đủ.

* *Các vấn đề khác:* Sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom chăm sóc giáo dục nuôi con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 5, 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự: “Đề thi hành”;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Diễn